

Bản án số: 30/2022/HS-ST

Ngày: 16/6/2022.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH MIỆN, TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Th phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đào Quang Khuyển.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Tuấn; bà Đoàn Thị Chuyền.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Hoàng Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện tham gia phiên tòa:** Bà An Thị Hà Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Miện mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 29/2022/TLST-HS ngày 23 tháng 5 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2022/QĐXXST-HS ngày 30/5/2022; Thông báo thay đổi thời gian mở lại phiên tòa đối với: Bị cáo Trần Văn Th, sinh ngày 05/12/2000, tại Hải Dương; Nơi cư trú: Thôn S, xã G, huyện M, tỉnh D; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn N và bà Nguyễn Thị H; gia đình có 04 chị em, bị cáo là con thứ 4; tiền sự: Không; tiền án: Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2021/HS-ST ngày 18/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương xử phạt 08 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành xong ngày 12/9/2021.

Nhân thân: Bản án hình sự sơ thẩm số 44/2018/HSST ngày 26/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện xét xử về tội Trộm cắp tài sản, áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, chấp hành xong ngày 31/01/2020.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 29/3/2022, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương, có mặt tại phiên tòa.

**\* Bị hại:** Bà Nguyễn Thị Đ - sinh năm 1971.

Nơi cư trú: Thôn S, xã G, huyện M, tỉnh D, có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

**\* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

Anh Vũ Văn Q - sinh năm 1990.

Nơi cư trú: Thôn D, xã N, huyện M, tỉnh D, có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Bị cáo Trần Văn Th đã bị kết án về tội Trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích. Khoảng 6 giờ 30 phút ngày 27/3/2022, Th ở nhà tại khu chuyển đổi thôn S, xã G, huyện M, tỉnh D thấy bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1971 nhà đối diện đi sang nhà hàng xóm. Do biết chồng bà Đ mới mất, chỉ có mình bà

Đ ở nhà nên Th đã nảy sinh ý định sang nhà bà Đ trộm cắp tài sản. Thấy cánh cổng và cửa nhà bà Đ mở, Th đi vào nhà, quan sát trong phòng khách thấy có 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi 9T màu xanh ngọc đặt trên máy lon nước ngọt và 01 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng cài ở nải chuối trên bàn thờ. Th cầm điện thoại và tờ tiền cho vào túi quần bên phải đang mặc đi về nhà. Đến khoảng 8 giờ cùng ngày, Th mang điện thoại ra cửa hàng điện thoại Xuân Quý ở thôn S, xã G, huyện M của anh Vũ Văn Q, sinh năm 1992 có hộ khẩu thường trú ở thôn D, xã N, huyện M bán với giá 1.400.000 đồng. Số tiền bán điện thoại Th đã chi tiêu cá nhân và mua 01 quần đùi màu xám, 01 áo phông cộc tay màu đen. Buổi tối cùng ngày Th bị lực lượng Công an xã Thanh Giang triệu tập làm việc. Th đã khai nhận hành vi trộm cắp tài sản của gia đình bà Đ, Công an xã Thanh Giang đã thu giữ 01 quần đùi màu xám, 01 áo phông cộc tay màu đen, 01 thẻ sim điện thoại có số 0383270187 trong sim còn 41.867 đồng và số tiền 930.000 đồng là tiền bán điện thoại còn lại sau khi chi tiêu.

Kết luận định giá tài sản số 03/KL-HĐĐG ngày 29/3/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Thanh Miện kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi-Redmi 9T, vỏ màu xanh ngọc, máy đã qua sử dụng và 01 thẻ sim điện thoại có số 0383.270.187 trong tài khoản sim có số tiền là 41.867 đồng tại thời điểm ngày 27/3/2022 có giá 1.541.867 đồng.

Tại bản cáo trạng số 29/VKS-HS ngày 19/5/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện đã truy tố bị cáo Trần Văn Th về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà Đại diện VKSND huyện Thanh Miện thực hành quyền công tố trình bày luận tội giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

*Về tội danh:* Tuyên bố bị cáo Trần Văn Th phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

*Về hình phạt chính:* Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173, điểm s, h khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự.

*Xử phạt:* Bị cáo Trần Văn Th từ 7 tháng tù đến 10 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 29/3/2022.

*Về hình phạt bổ sung:* Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

*Về trách nhiệm dân sự:* Bị hại bà Nguyễn Thị Đ đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, không có yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại. Anh Vũ Văn Q không yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền còn thiếu là 470.000 đồng, nên không xem xét giải quyết.

*Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp:* Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46; điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy 01 quần đùi màu xám, 01 áo phông cộc tay màu đen.

- Trả cho anh Q số tiền 930.000 đồng.

*Về án phí:* Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Luật phí và lệ phí. Buộc bị cáo Trần Văn Th phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

Bị hại bà Nguyễn Thị Đ; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Vũ Văn Q, đều có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng họ đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, do đó việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, căn cứ khoản 1 Điều 292 và Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử.

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra công an huyện Thanh Miện, Viện kiểm sát nhân dân huyện, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác định bị cáo có tội: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Vật chứng thu giữ. Biên bản bắt người phạm tội quả tang. Kết luận định giá tài sản và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, từ những chứng cứ nêu trên. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Trần Văn Th có tiền án về tội Trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích. Khoảng 07 giờ 00 phút ngày 27/3/2022 thấy bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1971 ở thôn S, xã G, huyện M, tỉnh D vắng nhà, không khóa cổng, khóa cửa, Trần Văn Th đã vào nhà trộm cắp 50.000 đồng và 01 chiếc điện thoại di động trị giá 1.541.867 đồng. Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 1.591.867 đồng.

[3]. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Lợi dụng sự mất cảnh giác của chủ sở hữu, người quản lý tài sản, bị cáo đã lén lút chiếm đoạt tài sản của họ để lấy tiền chi tiêu, phục vụ bản thân, bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Lỗi cố ý trực tiếp, xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội. Mặc dù tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị dưới 2.000.000 đồng nhưng bị cáo đã bị kết án về tội Trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích, nay lại tiếp tục phạm tội nên hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm b khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện thực hành quyền công tố đã luận tội đối với bị cáo là có cơ sở, đúng pháp luật.

[4]. Xét tính chất hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Th khẩn khai báo, ăn năn hối lỗi về hành vi đã phạm, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, tài sản bị cáo chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại cho bị hại, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, h khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử sẽ xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo có 01 tiền án, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2021/HS-ST ngày 18/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, xử phạt 08 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt. Bị cáo thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản dưới mức định lượng quy định của Bộ luật Hình sự, tuy nhiên bị cáo có một tiền án về tội trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích. Do đó,

lần phạm tội này là tình tiết định tội đối với hành vi của bị cáo nên bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng “tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu, đã bị kết án về tội trộm cắp tài sản, đã được xóa án tích, thể hiện ý thức chấp hành pháp luật kém, bị cáo đã được các cơ quan pháp luật giáo dục nhưng không lấy đó làm bài học để học tập, tu dưỡng rèn luyện bản thân mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Căn cứ vào các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo gây ra. Hội đồng xét xử thấy cần phải áp dụng với bị cáo mức hình phạt tù tương xứng để giáo dục bị cáo. Th công dân có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời phục vụ công tác đấu tranh, phòng ngừa tội phạm chung.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6]. *Về trách nhiệm dân sự*: Bị hại bà Nguyễn Thị Đ đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, không có yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm, nên không xem xét giải quyết. Anh Vũ Văn Q không biết chiếc điện thoại bị cáo bán là do Trộm cắp mà có nên đã mua của bị cáo với giá 1.400.000 đồng. Anh Q đề nghị nhận số tiền 930.000 đồng đã thu giữ và không yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền còn thiếu là 470.000 đồng.

01 quần đùi màu xám, 01 áo phông cộc tay màu đen là tài sản do bị cáo dùng tiền phạm tội mua mà có, bị cáo không yêu cầu nhận lại, vì vậy cần tịch thu cho tiêu hủy.

[7]. *Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp*: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46; điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy 01 quần đùi màu xám, 01 áo phông cộc tay màu đen.
- Trả cho anh Quý số tiền 930.000 đồng, quá trình điều tra đã thu giữ.

8] Đối với anh Vũ Văn Q mua chiếc điện thoại của bị cáo Trần Văn Th nhưng không biết tài sản do bị cáo Th phạm tội mà có, nên không có căn cứ xử lý đối với anh Q.

[9]. Về án phí: Bị cáo Trần Văn Th bị kết án, nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Điểm b khoản 1 Điều 173, điểm s, h khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự.

1. *Tuyên bố*: Bị cáo Trần Văn Th phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

*Xử phạt*: Bị cáo Trần Văn Th **08** tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 29/3/2022.

2. *Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp*: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46; điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy 01 quần đùi màu xám, 01 áo phông cộc tay màu đen.
- Trả cho anh Vũ Văn Q số tiền 930.000 đồng.

*(Vật chứng hiện đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Miện. Đặc điểm vật chứng theo biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Miện và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Miện).*

3. *Về án phí:* Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Trần Văn Th phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. *Về quyền kháng cáo:* Căn cứ các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo được kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản sao bản án hoặc niêm yết. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng,
- VKSND huyện Thanh Miện;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Bộ phận hồ sơ nghiệp vụ thuộc Công an huyện Thanh Miện;
- CQCSĐT Công an huyện Thanh Miện.
- CQTHAHS Công an Thanh Miện;
- Chi cục THADS Thanh Miện,
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương,
- Lưu hồ sơ.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

***Đào Quang Khuyến***

**TH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN  
CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

***Đào Quang Khuyến***

